TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 511/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm

2. Bà Nguyễn Thị Liên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Long Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2024/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 363/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Đ, thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức Thắng Ý – Luật sư Công ty L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng Lý D, sinh năm 1982;
Địa chỉ: C (tầng D) Chung cư P đường P, khu phố A, tổ A, Phường A1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Phạm Thị N trình bày: Bà và ông Nguyễn Trọng Lý D tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 02 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân Phường A1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống cùng với việc ông D thường ghen tuông vô cớ từ đó có những lời lẽ và hành động xúc phạm bà nên bà cảm thấy ức chế, áp lực và stress. Sau khi bà sinh con, ông D lại không lo làm ăn, sống không có trách nhiệm với vợ con nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do đó, khoảng cuối tháng 12 năm 2023, bà cùng với con đã phải dọn về nhà mẹ bà ở Gia Lai để sinh sống. Nay, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng hàn gắn là không có nên bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 1 con chung tên Nguyễn Trọng Anh Q, sinh ngày 10/7/2023. Do con còn nhỏ và từ trước đến nay đều do bà chăm sóc nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn, ông Nguyễn Trọng Lý D trình bày theo bản tự khai ngày 05/4/2024: Về việc chung sống, đăng ký kết hôn ông không có ý kiến. Ông thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng, có đôi khi ông nóng nảy, không kềm chế lời nói nên có những xích mích, lời qua tiếng lại hay việc ông ăn nhậu, bạn bè là có nhưng không quá trầm trọng như bà N trình bày. Ông là một người sống có trách nhiệm trong việc lo kinh tế gia đình cũng như biết sắp xếp thời gian cho vợ, con và muốn vợ chồng có thể nói chuyện với nhau để đem lại một gia đình hạnh phúc cho con. Tuy nhiên, phía bà N không cùng suy nghĩ, không có sự thông cảm lẫn nhau và vẫn yêu cầu ly hôn. Do đó, vì nghĩ cho bà N nên ông đồng ý với những yêu cầu của bà N trong đơn ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung như bà N trình bày, ông đồng ý để bà N nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không có ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn– Luật sư Nguyễn Đức T Ý trình bày:

Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông D vi phạm nghĩa vụ của người chồng, người cha dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, khả năng hàn gắn là không có nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Trọng Anh Q, sinh ngày 10/7/2023 cho bà N nuôi dưỡng, bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, việc thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải, gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát cũng như việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung vụ án: Qua kiểm sát vụ án tại phiên tòa, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy giữa 02 bên đương sự có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn yêu thương nhau, bất đồng quan điểm sống. Do con chung còn nhỏ cần được sự chăm sóc của mẹ nên giao con cho bà N nuôi dưỡng, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không có. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do.

[3.] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 12/2023, đăng ký ngày 14/02/2023 tại Ủy ban nhân dân Phường A1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà N yêu cầu ly hôn vì cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng không có sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Xét, hôn nhân hạnh phúc phải được xây dựng từ hai phía, ông D tuy mong muốn cho con một gia đình hạnh phúc nhưng lại không chủ động đưa ra biện pháp hàn gắn và đồng ý theo yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thể hiện tình cảm vợ chồng không còn sự gắn kết, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng hàn gắn là không có. Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về quan hệ hôn nhân của hai bên đương sự trong quá trình chung sống tại Ủy ban nhân dân Phường A1, quận T nhưng không có thông tin gì thêm. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3.2] Về quan hệ con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số: 235/2023 đăng ký ngày 25/7/2023 thì trẻ Nguyễn Trọng A Q là con chung của nguyên đơn và bị đơn.

Do con còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi và phía bị đơn cũng đồng ý giao con cho nguyên đơn nuôi nên hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu việc giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bị đơn.

[3.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn không có tranh chấp và đồng ý các yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn không có tranh chấp và đồng ý các yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Phạm Thị N

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Trọng Lý D.

1.2. Về con chung: Bà Phạm Thị N được chăm sóc, giao dục con chung tên Nguyễn Trọng Anh Q, sinh ngày 10/7/2023 cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Trọng Lý D do bà N chưa có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị N chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã đóng là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001017 ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP . HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Bích Thảo